

LỜI NGƯỜI DỊCH

Lạc Viên tiểu sử là một cuốn hồi ký của Phò Nhơn nam Tôn Thất Đàm (1871-1936) ghi chép về gia cảnh, quá trình học tập và khoa cử, làm quan của bản thân ông từ lúc ấu thơ cho đến khi vua Bảo Đại về nước và cải cách triều đình, cho về hưu một loạt 5 cụ Thượng thư lão thành, trong đó có ông, đang đảm trách Thượng thư Bộ Hình sung đại thần Viện Cơ Mật. Tác phẩm dừng lại ở chỗ ông và cụ Phụ chánh thân thần Phò Quang bá Tôn Thất Hân - người chú của ông - thất bại trong việc can ngăn vua Bảo Đại kết hôn với Nguyễn Hữu Thị Lan tức Hoàng hậu Nam Phương.

Hồi ký này được chép thành 5 quyển (nhưng hiện nay gia đình chỉ giữ được 3 quyển) trên giấy bồi, đang ở dạng bản thảo đầu tiên có dập, xóa, viết xen rải rác ở giữa các dòng.

Quyển 1: Chặng đời từ 1871 đến 1902, từ lúc sinh ra cho đến năm 31 tuổi. Thân phụ là Tôn Thất Nhẫn, đương chức Bang biện tỉnh vụ ở Thanh Hóa, đi công cán ở vùng thượng du bị nhiễm sơn lam chướng khí nên lâm trọng bệnh, trở về tỉnh thì qua đời lúc 36 tuổi. Cảnh nhà thanh bạch, neo đơn, người mẹ bươn chải nuôi các con, dù gian khó vẫn cố gắng cho các con học tập. Ông lại khoa trường lao đao. Cưới vợ sinh được con trai đầu chưa đầy năm thì vợ thấy cuộc sống nghèo khó nên ly dị.

Năm 23 tuổi (1894), thi Hương rớt vì bị phạm trường quy. Năm Đinh Dậu 1897 mới đỗ cử nhân, sau khi vừa mới cưới kế thất. Năm 1898 lại hỏng thi Hội. Vào học chữ Pháp ở Trường Quốc Học, năm 1900 đỗ tốt nghiệp thứ nhì, được Bộ Lại ghi vào danh sách bổ Tri phủ, nhưng vì không lo lót chạy chọt nên chỉ được bổ làm Tri huyện Bình Khê, một nơi nổi tiếng nước độc thời ấy của tỉnh Bình Định, sau khi đã chờ đợi bổ nhiệm gần một năm. Ông đem mẹ và cả gia đình vào nhậm chức, mới vừa được 2 tháng thì mẹ bị đau thương hàn và qua đời tại đây. Nhờ sự thương mến giúp đỡ của thân hào tổng lý nơi này và của bạn bè, ông đã cùng gia đình anh trai (anh đang làm Tri huyện Hoài Ân) phò linh cữu mẹ về Huế an táng. Sau những ngày buồn chán, lại được người khuyên, ông xin vào học lại ở Trường Quốc Học với học bổng mỗi tháng 10 đồng để nuôi cả gia đình. Năm 1902, ông được bổ làm Tri huyện huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quyển 2 và quyển 3 của hồi ký này bị thất lạc nên hành trạng của Tôn Thất Đàm giai đoạn từ 1903 đến 1920 không rõ.

Quyển 4: Giai đoạn từ năm 1920 đến 1926. Ông đang làm Tham tri Bộ Binh. Xảy ra vụ án Thượng thư Bộ Công là Đoàn Đình Duyệt làm trái, ông tham gia điều tra. Năm 1922 được thăng hàm Tổng đốc bổ Tuần vũ Trị Bình, giải quyết được các vụ kiện tranh giành ruộng đất, tài sản của dân.

Năm 1923, ông làm Tổng đốc An Tĩnh. Năm 1924 về kinh mừng thọ tứ tuần của vua Khải Định, cuối năm 1925 về dự tang lễ của nhà vua. Thấy nghi lễ lộn xộn, ông bất bình, lòng chán nản nên xin từ chức.

Quyển 5: Giai đoạn từ năm 1926 đến 1934. Việc từ chức không được Viện Cơ Mật chuẩn y, ông phải trở lại nhậm chức ở Nghệ Tĩnh, xảy ra việc người con thứ của ông trên đường về quê bị tai nạn lật xe chết. Ông thu xếp để dứt khoát từ nhiệm về quê. Viện Cơ Mật và Tòa Khâm sứ khuyên ông trở lại làm Tổng đốc không được, đến tháng 7/1926 bổ ông làm Thượng thư Bộ Hình sung đại thần Cơ Mật Viện, tiếp đó lại kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ.

Năm 1930, dân huyện Thanh Chương (Nghệ An) phá đồn điền của tên Ký Viễn vì bị y chiếm đất. Tòa Công sứ Nghệ An phái lính Tây bắn chết hai người dân. Phong trào phản kháng lan sang các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc rồi lan rộng ra cả tỉnh (phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh). Ông bị ép phải theo Khâm sứ Pháp ra Nghệ An khảo sát tình hình, tìm cách để đối phó. Tổng đốc Hồ Đắc Khải từ chức. Về kinh, ông lại bị cử làm Khâm sai - đại diện cho Viện Cơ Mật cùng một quan Pháp - đại diện Tòa Khâm sứ lại ra Nghệ An để giải quyết sự biến ở đây. Trước khi đi ông đã trình Viện Cơ Mật và Tòa Khâm sứ đồng ý về chương trình 12 điểm để dẹp yên, bao gồm các biện pháp về chính trị và quân sự, chú trọng việc vỗ yên dân chúng, hạn chế việc đàn áp, bắn giết bừa bãi.

Nhưng lại xảy ra sự biến dân của tổng Phù Long, phủ Hưng Nguyên giết phái viên và lính phủ. Quan Toàn quyền Pháp thúc giục đốt sạch các làng ở đây. Toàn quyền Robin lên thay Pasquier đề nghị bổ Nguyễn Khoa Kỳ ra làm Tổng đốc Nghệ Tĩnh, thay Tổng đốc Phạm Bá Phổ do ông đề cử trước đó. Bonhomme, đại diện Tòa Khâm sứ chán nản trước áp lực của Tòa, xin trở về nước. Công sứ Thanh Hóa được cử làm đại diện, lại chỉ đóng ở Tòa Công sứ Thanh Hóa. Chán nản do không tiện hội thương để làm việc nên Tôn Thất Đàm xin trở về kinh.

Tháng 3 năm 1931, Tôn Thất Đàm cầm đầu một phái bộ sang Pháp thăm Bảo Đại và dự hội chợ đấu xảo, báo cáo tình hình và quan sát sự tiến bộ của người Pháp về các mặt. Ngày 11 tháng 5, đoàn đến Paris. Hai tháng sau thì trở về.

Ngày 16/7/1932, quan Toàn quyền từ Pháp trở sang quyết định ba việc: chỉnh đốn quan lại, chỉnh đốn học vụ và chỉnh đốn luật lệ. Ông đã cùng quan cố vấn người Pháp là luật sư Collet chỉ đạo việc sửa chữa các điều luật châm chước từ *Hoàng triều luật lệ*.

Rồi vua Bảo Đại trở về nước, triều đình đón tiếp long trọng. Tháng 4 năm 1933, Toàn quyền Pháp và Giám đốc Sở Liêm phóng Đông Dương Louis Marty vào kinh gặp Bảo Đại, sau đó họp riêng với cựu Toàn quyền Charles và tân Thượng thư Tổng lý Ngự tiền văn phòng là Phạm Quỳnh bàn định.

Ngày 8 tháng 4 năm Quý Dậu (2/5/1933), Toàn quyền họp triều thần, đọc dụ của vua Bảo Đại cho về hưu 5 cụ Thượng thư: Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài, Bộ Lễ Võ Liêm, Bộ Hình Tôn Thất Đàm, Bộ Binh Phạm Liệu và Bộ Công Vương Tứ Đại. Bãi bỏ chức Viện trưởng Viện Cơ Mật, bổ Thượng thư Bộ Hộ Thái Văn Toản làm Thượng thư Bộ Lễ kiêm Bộ Công, bổ Tổng đốc Bình Phú Hồ Đắc Khải làm Thượng thư Bộ Hộ, Thượng thư sung Ngự tiền văn phòng Phạm Quỳnh

kiêm Thượng thư Bộ Học. Tuần vũ Bình Thuận Ngô Đình Diệm được thăng Thượng thư Bộ Lại, Tuần vũ Bắc Giang Bùi Bằng Đoàn thăng Thượng thư Bộ Hình, đều tham gia vào Viện Cơ Mật.

Tháng 5, Tôn Thất Đàm được phong tước Phò Nhơn nam, từ đó tiêu dao tháng ngày. Nhưng khi nghe tin vua Bảo Đại định cưới cháu ngoại của Lê Phát An là người Công giáo, sợ ảnh hưởng đến việc phụng thờ tông miếu nên vận động dòng họ can ngăn, nhưng việc không thành.

Hồi ký dừng dang dở ở đó.

*

* *

Dưới ngòi bút chủ quan của mình, tác giả cho thấy việc phấn đấu học tập của một Nho sinh vào lúc xế chiều của khoa cử, thảm trạng của quan trường và sự bất lực của triều đình nhà Nguyễn vào giai đoạn mật kỳ dưới danh nghĩa bảo hộ của Pháp, sức mạnh quật khởi của nông dân qua phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Qua tập hồi ký, chúng ta cũng thấy được nạn mua quan bán tước, nạn hống hách bòn rút của quan lại Nam triều từ cấp phủ huyện cho đến cấp tỉnh và các quan lớn ở Viện Cơ Mật.

Qua nhiều cảnh ngộ, hồi ký cũng cho thấy tác giả là một người có khí chất cương trực, ít nhiều cũng chăm lo cho dân và nuôi dưỡng một ước mơ “trên vì đức, dưới vì dân”, “trên giúp vua, dưới giúp dân”, nơi này hay nơi khác ông đã gắng thực hiện đường lối nhân chính của Nho giáo, nhưng cuối cùng ông mới biết là hão huyền.

Có thể ông chưa hiểu đúng bản chất của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nhưng hành vi “vỗ yên” của ông nhằm xoa dịu mâu thuẫn giữa người dân và thực dân Pháp, trên cương vị là đại diện Viện Cơ Mật đã không có gì là quá đáng. Và chính ông cũng thấy rõ sự bất lực của mình trước sự áp đặt của quan Toàn quyền và Tòa Khâm sứ, cũng như của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp. Những năm cuối đời, ông vẫn còn mang một niềm tin ngây thơ vào sự tốt đẹp của chính sách bảo hộ, về quyền lực của vua Bảo Đại và của Viện Cơ Mật Nam triều.

Mặc dù có những hạn chế tất yếu, nhưng hồi ký này giúp cho người đọc hôm nay thấy được bức tranh lịch sử xã hội sinh động của một giai đoạn đất nước bị thực dân thống trị và nỗi niềm của những con người trí thức trong cảnh ngộ bế tắc của cả một triều đình nô lệ.

Về văn bản, tác giả quen viết kiểu chữ hành phóng bút lưu loát trên trang giấy hẹp, đa số là 6 dòng, mỗi dòng khoảng 21 đến 25 chữ. Nhưng có khi lại viết xen thêm thành 12 dòng, như trang 139 (quyển 5), có khi lại viết trên tờ giấy rộng đến 15 dòng, như trang 23 (quyển 5). Có khi viết xen, móc sót như trang 46, 74 (quyển 5) làm cho khó đọc. Tuy vậy người dịch đã vượt qua được các trở ngại này, hầu như đã dịch trọn vẹn từ ngữ, câu chữ của văn bản.

Trần Đại Vinh